

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/HS-ST.

Ngày 19/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thanh;

Bà Phan Ngọc Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Danh Đời - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 641/2021/TLST-HS ngày 21/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST-HS ngày 07/01/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: 35/10, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn; 01/12. Cha tên Trần Anh K (chết); Mẹ tên Phan Thị S (sinh năm 1958); Chồng tên Lê Thanh P (sinh năm 1976); có 01 con sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Từ nhỏ sống cùng gia đình tại A, thành phố T, đi học đến lớp 1 thì nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2000 lập gia đình, cư trú tại 35/10, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, cư trú tại nhà không số, tổ D, khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/9/2020 tại Trại tạm giam C - Công an Thành phố H, (có mặt).

- ***Người bị hại:*** Ông Võ Trường H1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Nhà không số, hẻm B đường H, Tổ D, Khu phố G, thị trấn P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bào chữa:* Ông Ngô Việt B – Luật sư của Văn phòng L – Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ 451Đ đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thu H là em dâu của anh Võ Trường H1, nhà H đối diện với nhà anh H1 tại nhà không số Tổ 4, Khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05/9/2020, H biết cả gia đình anh H1 sẽ về tỉnh Đồng Tháp nên nảy sinh ý định lấy trộm cắp. Khoảng 21 giờ ngày 04/9/2020, H qua nhà anh H1 chơi rồi lấy trộm 01 chùm chìa khóa (gồm chìa khóa cổng và khóa cửa nhà) của anh H1 rồi đi về nhà. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/9/2021, H mang theo chùm chìa khóa và 01 cây đèn pin sang nhà anh H1 mở cổng và mở cửa chính vào nhà lục tìm tài sản. H vào phòng ngủ của vợ chồng anh H1 thì phát hiện có 01 kết sắt nên H kéo kết sắt về nhà H sau đó dùng 01 cây xà beng và 01 cái sạn bằng nhôm cạy bung cửa kết sắt lấy được 14 chiếc nhẫn vàng trơn (mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ), 01 sợi dây chuyền vàng có mặt dây chuyền hình bông mai, 04 chiếc nhẫn vàng trang sức trẻ em và 85.000.000 đồng. Sau đó, H cho kết sắt vào thùng xốp dùng băng keo dán kín lại. Đến sáng ngày 06/9/2020, H điều khiển xe gắn máy biển số 59BA-001.08 chở thùng xốp đựng kết sắt đến cầu P thuộc huyện N vớt xuống sông. Sau khi lấy trộm được tài sản, H mang 02 chiếc nhẫn vàng trơn (mỗi chiếc 05 chỉ) đến nhà mẹ ruột là bà Phan Thị S (địa chỉ xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai) nhờ bà S bán giúp. Bà S mang 02 chiếc nhẫn đến tiệm V bán được 53.780.278 đồng rồi mua lại 01 sợi dây chuyền vàng có đính mặt đá màu trắng còn 35.000.000 đồng về đưa cho H.

Đến ngày 10/9/2020, H mang 01 nhẫn vàng trơn loại 05 chỉ đến tiệm V1 (Quận G) bán được 25.000.000 đồng. Cùng ngày, H gọi điện hẹn gặp em gái là chị Trần Thị Mỹ H2 tại khu vực Quận G gửi chị H2 giữ gìn 11 chiếc nhẫn vàng trơn loại 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá màu trắng (bà S mua tại tiệm V) và 35.000.000 đồng.

Ngày 11/9/2020, chị Trần Thị Mỹ H2 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra giao nộp số tài sản H đã gửi. Ngày 12/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thực hiện lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với H.

Bản kết luận định giá tài sản số 672/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2021 kết luận: 11 chiếc nhẫn vàng 24K (trọng lượng 05 chỉ/1 chiếc) trị giá 299.532.919 đồng, 04 chiếc nhẫn vàng trang sức trẻ em trị giá 2.433.951 đồng, 03 chiếc nhẫn kiểu vàng trị giá 32.486.125 đồng. Bản kết luận định giá tài sản ngày 09/9/2020 kết luận: chiếc kết sắt hiệu Bauche trị giá 200.000 đồng, 03 chiếc nhẫn vàng mỗi chiếc 05 chỉ, loại vàng 24K (03 chiếc nhẫn H đã bán) trị giá 78.243.000 đồng, 01 nanh heo mạ vàng 1,5 chỉ loại vàng 18K trị giá 5.787.000 đồng, 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền 03 chỉ, loại vàng 24K (H khai đã làm mất) trị giá 15.649.000 đồng. Tổng trị giá số tiền và trị giá tài sản H trộm cắp là 519.132.195 đồng.

Tại Cơ Quan cảnh sát điều tra, Trần Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên và khẳng định khi H đưa vàng cho bà S đi bán giúp và gửi tiền vàng cho chị H2 giữ, H không cho bà S và chị H2 biết đây là tài sản do H lấy trộm được của người khác, số tiền bán vàng và trộm cắp được H đã trả nợ cho một số người và tiêu xài cá nhân, riêng sợi dây chuyền kim loại vàng có mặt dây chuyền hình bông mai, H đã làm rơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ:

- + 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xanh-đen, mặt sau ghi chữ Realme, có số imei1: 867470041225514;
- + 01 (một) cái sạp bằng kim loại dài khoảng 36cm, có tay cầm bằng gỗ;
- + 01 (một) đèn pin màu đen;
- + 01 (một) áo thun màu xanh dương, sọc đen;
- + 01 (một) cây xà beng dài khoảng 49cm bằng kim loại;
- + 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Cub, biển số 59BA-001.08 (số khung C50-8630252; số máy C50E-8630263).
- + Số tiền 35.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá màu trắng (Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi vào Kho bạc Nhà nước).

- **Về dân sự:** Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả các tài sản cho anh Võ Trường H1, anh H1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với H.

Tại Bản cáo trạng số 452/CT-VKS-P2 ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra.

- Người bị hại anh Võ Trường H1 trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, anh H1 đề nghị được nhận lại số vàng, tiền mà cơ quan điều tra đang giữ để có thể bù đắp vào khoản tiền, vàng anh bị mất. Ngoài ra, anh không có yêu cầu bồi thường gì khác; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo H phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm” theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 và “Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hiên từ 08 (tám) đến 10 (mười) năm tù giam. Về tang vật trong vụ án đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Luật sư thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Ngoài ra, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình đối với bị cáo, mong xem xét đến hoàn cảnh – bị cáo là người ít học, chỉ học đến lớp 01, do đó việc đọc, viết bị hạn chế, ngoài ra bị cáo là người đang nuôi mẹ già, là lao động chính trong gia đình, đây là lần đầu phạm tội do sự bộc phát của lòng tham khi lâm vào cảnh túng quẫn, nợ nần. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh và căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự mà cho bị cáo mức án nhẹ nhất, khoan hồng nhất để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

Bị cáo H thống nhất với lời bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận thêm với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận bản luận tội đối với bị cáo là có cơ sở và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị

cáo, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng, để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, người bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào kết quả xét hỏi, thẩm tra cho thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra vụ án và phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 ngày 05/9/2020, bị cáo Trần Thị Thu H đã lén lút đột nhập vào nhà anh Võ Trường H1 tại nhà không số, tổ D, khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh lấy trộm 01 két sắt bên trong có 85.000.000 đồng và một số nữ trang bằng vàng, tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt là 519.132.195 đồng.

Như vậy, với mục đích và động cơ cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo H đã thực hiện hành trộm cắp tài sản của anh Võ Trường H1. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản, hành vi phạm tội đã hoàn thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 519.132.195 đồng nên thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 của điều luật nêu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở kết luận bị cáo Trần Thị Thu H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có công ăn việc làm ổn định nhưng chỉ vì áp lực nợ nần nên đã bộc phát lòng tham, từ đó cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bất hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhằm đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Xét thấy, trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan điều tra để tìm ra số tài sản bị mất, nhanh chóng kết thúc việc điều tra vụ án; đồng thời trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm” theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 và “Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét lời trình bày của Luật sư về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là có cơ sở, phù hợp với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên được chấp nhận. Đối với hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo, mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo quy định.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, người bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xanh-đen, mặt sau ghi chữ Realme, có số imei1: 867470041225514, xét đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội và việc thi hành án nên cần trao trả lại cho bị cáo H.

Đối với 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Cub, biển số 59BA-001.08 (số khung C50-8630252; số máy C), kết quả qua xác minh xác định đây là tài sản của chị Trần Thị Mỹ H2 nên cần trao trả lại cho chị H2.

Đối với 01 (một) cái sạm bằng kim loại dài khoảng 36cm, có tay cầm bằng gỗ; 01 (một) đèn pin màu đen; 01 (một) áo thun màu xanh dương, sọc đen; 01

(một) cây xà beng dài khoảng 49cm bằng kim loại , xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 35.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá màu trắng, xét thấy đây là tài sản có được từ việc H nhờ bà Phan Thị S bán 02 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ chiếm đoạt được của anh H1, tại phiên tòa anh H1 cũng mong muốn nhận lại số tài sản này để căn trừ vào số tài sản bị chiếm đoạt, do đó xét thấy cần giao trả lại số tài sản này cho anh Võ Trường H1.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Huỳnh Thị H3 chủ tiệm vàng Ngọc C và anh Trương Thanh T chủ tiệm V không nhớ có mua vàng của bà S và H mang đến bán hay không nên không thu giữ được vật chứng, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xem xét xử lý về hành vi tiêu thụ hoặc chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Thu H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H 08 (tám) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020.

- Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Quyết định tạm giam bị cáo Trần Thị Thu H 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Thu H: 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xanh-đen, mặt sau ghi chữ Realme, có số imei1: 867470041225514.

+ Trả lại cho bà Trần Thị Mỹ H2 (sinh năm 1986 ; địa chỉ: nhà không số, hẻm D đường L, ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai): 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Cub, biển số 59BA-001.08 (số khung C50-8630252; số máy C50E-8630263).

+ Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) cái sạn bằng kim loại dài khoảng 36cm, có tay cầm bằng gỗ; 01 (một) đèn pin màu đen; 01 (một) áo thun màu xanh dương, sọc đen; 01 (một) cây xà beng dài khoảng 49cm bằng kim loại.

+ Giao trả lại cho anh Võ Trường H1: Số tiền 35.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá màu trắng.

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/169 ngày 16/12/2021; Giấy nộp tiền ngày 31/5/2021 của Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh E; Biên bản giao nhận tài sản số 03/2021/BBBG-KBNNQ10 ngày 10/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Kho bạc Nhà nước Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Thi hành án hình sự TAND TP.HCM;
- Trại giam; Bị cáo; Người bị hại;
- Phòng PC53 – Công an TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường T, QX, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Trâm

